

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỌ XUÂN  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/DS-ST  
Ngày: 03- 3 - 2021  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Minh Tiến

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lưu Minh Sử

2. Ông Đỗ Trọng Hoàn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Cao Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Tinh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Đ

Địa chỉ: Số 22 N, phường Tr, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị N - Chuyên gia xử lý nợ, Ngân hàng TMCP Đ. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Khu ), thị trấn L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 25 tháng 02 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Phạm Thị Ngọc trình bày:

Ngày 29/5/2018 Ngân hàng TMCP Đ (gọi tắt là Ngân hàng) và ông Nguyễn Văn L đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 1905/2018/HĐTD/PVB-HVT với nội dung cụ thể như sau: Ngân hàng TMCP Đ cho ông Nguyễn Văn L vay số tiền 1.200.000.000 đồng; thời hạn vay: 60 tháng, từ ngày 29/5/2018 đến 28/5/2023; Lãi suất: Từ ngày 29/5/2018 đến ngày 28/5/2019 lãi suất bằng 8,99%/năm, từ ngày 29/5/2019 lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần, bằng lãi suất tiền gửi + Biên độ tối thiểu 4,2%/năm, kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần; Mục đích sử dụng vốn: Mua ô tô. Phương thức trả nợ: Kỳ hạn trả nợ gốc 01 tháng/kỳ vào ngày 25 hàng tháng; Kỳ gốc đầu tiên được trả vào ngày 25/6/2018; Số tiền gốc trả từ kỳ 1 đến kỳ 60 là 20.000.000 đồng/kỳ; Kỳ hạn trả nợ lãi vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả lãi đầu tiên được trả vào ngày 25/6/2018. Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là: 01 xe ô tô tải có cần cầu, nhãn hiệu VEAM, số loại: VT1100, sơn màu xanh, biển kiểm soát 36C-xxxxx, số khung B233ETU00907, số máy A0402117 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 053389 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 15/5/2018 cho ông Nguyễn Văn L ; Tài sản trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 19-05/2018/HĐBĐ/PVB-HVT ngày 29/5/2018.

Ngay sau khi ký Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp nêu trên, Ngân hàng TMCP Đ đã thực hiện giải ngân cho ông Nguyễn Văn L với tổng số tiền là 1.200.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng ông Nguyễn Văn L mới trả được một phần nợ gốc/lãi cho Ngân hàng TMCP Đ , từ ngày 25/6/2018 ông L không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng đã làm việc, nhắc nhở nhiều lần nhưng ông L không có thiện chí trả nợ, nên từ ngày 25/6/2018 Ngân hàng đã chuyển số dư nợ gốc, lãi đến hạn chưa trả được sang nợ quá hạn. Quá trình từ đó đến nay Ngân hàng thường xuyên đôn đốc thu hồi nợ nhưng ông L vẫn không thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ. Vì vậy Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn L phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 03/3/2021 là 1.610.384.365 đồng, trong đó: nợ gốc 1.178.945.716 đồng và nợ lãi 431.438.658 đồng; Ngoài ra yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn L còn phải trả cho Ngân hàng các khoản nợ lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 04/3/2021 cho đến khi trả hết nợ vay cho Ngân hàng.

Trường hợp ông Nguyễn Văn L không thanh toán được nợ, Ngân hàng đề nghị được xử lý tài sản thế chấp là 01 xe ô tô tải có cần cầu, nhãn hiệu VEAM, số loại: VT1100, sơn màu xanh, biển kiểm soát 36C-xxxxx, số khung B233ETU00907, số máy A0402117 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 053389 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 15/5/2018 cho ông Nguyễn Văn L . Nếu tài sản thế chấp kê biên, phát mãi không đủ để thanh toán nợ, thì Ngân hàng có quyền đề nghị kê biên, phát mãi tài sản hợp pháp khác của ông Nguyễn Văn L để thu hồi nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông Nguyễn Văn L theo quy định, nhưng ông L đều vắng mặt không có lý do, cũng không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Tòa án không lấy được lời khai.

Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã ra quyết định xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô tải có cần cầu, biển kiểm soát 36C-xxxxx theo quy định, tuy nhiên qua xác minh tại địa phương xác định: ông L hiện không có mặt tại địa phương từ giữa năm 2018 đến nay không có tin tức; còn đối với tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô tải có cần cầu, biển kiểm soát 36C-xxxxx không xác định được hiện tại đang ở đâu.

Tiến hành Trưng cầu giám định đối với chữ ký của ông Nguyễn Văn L trong các hợp đồng tín dụng số 1905/2018/HĐTD/PVB-HVT ngày 29/5/2018 và Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 19-05/2018/HĐBĐ/PVB-HVT ngày 29/5/2018 theo quy định. Tại kết luận giám định số 35/PC09 ngày 17/12/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Chữ ký của ông Nguyễn Văn L trong các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp xe ô tô so với chữ ký và chữ viết đứng tên Nguyễn Văn L trong các mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 299, 323, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn L phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 03/3/2021 là 1.610.384.374 đồng, trong đó: nợ gốc 1.178.945.716 đồng và nợ lãi 431.438.658 đồng. Trường hợp ông L không thanh toán nợ cho Ngân hàng, đề nghị Tòa án tuyên cho Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật. Về án phí: Buộc ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Bị đơn là ông Nguyễn Văn L, cư trú tại khu 1, thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Nguyễn Văn L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng ông L vắng mặt không có lý do; Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét Hợp đồng tín dụng số 1905/2018/HĐTD/PVB-HVT ngày 29/5/2018 và Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 19-05/2018/HĐBĐ/PVB-HVT ngày 29/5/2018 do đại diện Ngân hàng TMCP Đ xuất trình, thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn L không có ý kiến về các hợp đồng trên, tuy nhiên căn cứ vào lời trình bày của đại diện Ngân hàng và Kết luận giám định có cơ sở khẳng định chữ ký trong các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp xe ô tô trên là do ông Nguyễn Văn L ký và viết ra; khi ký kết các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội. Do đó, Hợp đồng tín dụng số 1905/2018/HĐTD/PVB-HVT ngày 29/5/2018 và Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 19-05/2018/HĐBĐ/PVB-HVT ngày 29/5/2018 giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Nguyễn Văn L có hiệu lực pháp luật và là cơ sở phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa hai bên.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ về việc buộc ông Nguyễn Văn L phải trả tiền nợ gốc và lãi, thấy rằng:

Hợp đồng tín dụng số 1905/2018/HĐTD/PVB-HVT ngày 29/5/2018 là hợp đồng vay có kỳ hạn và có tính lãi. Sau khi ký hợp đồng, Ngân hàng TMCP Đ đã giải ngân đủ số tiền 1.200.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn L theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn Văn L mới trả được một phần nợ gốc/lãi cho Ngân hàng, từ ngày 25/6/2018 ông L không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng, như vậy là ông L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định của Hợp đồng tín dụng; nên Ngân hàng đã chuyển số dư nợ gốc, lãi đến hạn chưa trả được sang nợ quá hạn là đúng với quy định. Sau khi chuyển sang dư nợ quá hạn Ngân hàng thường xuyên đơn đốc thu hồi nợ nhưng ông L không thanh toán thêm cho Ngân hàng được số tiền nào. Do ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, nên việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông L phải trả số tiền nợ gốc còn lại 1.178.945.716 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng. Do đó, được chấp nhận.

Về yêu cầu tính lãi: Theo Hợp đồng tín dụng lãi suất các bên thỏa thuận là: Từ ngày 29/5/2018 đến ngày 28/5/2019 lãi suất bằng 8,99%/năm, từ ngày 29/5/2019 lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần, bằng lãi suất tiền gửi + Biên độ tối

thiểu 4,2%/năm, kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần; Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn. Xét thỏa thuận về lãi suất của các đương sự phù hợp quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam “Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng”. Do đó, Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Nguyễn Văn L phải trả số tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (03/3/2021) là 431.438.658 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Như vậy, tổng cộng cả gốc và lãi ông Nguyễn Văn L có trách nhiệm phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ tính đến ngày 03/3/2021 là 1.610.384.374 đồng, trong đó: nợ gốc 1.178.945.716 đồng và nợ lãi 431.438.658 đồng.

[4] Đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ buộc ông Nguyễn Văn L phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi phát sinh từ ngày 04/3/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ dư nợ vay theo quy định tại hợp đồng, thấy rằng: Yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp với quy định tại Hợp đồng tín dụng và các quy định của pháp luật dân sự. Do đó, được chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ được xử lý tài sản thế chấp của ông Nguyễn Văn L theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 19-05/2018/HĐBĐ/PVB-HVT ngày 29/5/2018, thấy rằng: Khi hai bên ký kết Hợp đồng tín dụng số: 1905/2018/HĐTD/PVB-HVT ngày 29/5/2018, đã ký kết Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 19-05/2018/HĐBĐ/PVB-HVT ngày 29/5/2018 để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định của pháp luật; Hợp đồng thế chấp xe ô tô đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án ngày 29/5/2018. Như vậy, Hợp đồng thế chấp xe ô tô là hợp pháp và có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, trong trường hợp ông L không thanh toán được nợ cho Ngân hàng thì phải xử lý, phát mại tài sản thế chấp để thu nợ cho Ngân hàng là cần thiết, có căn cứ và phù hợp với thỏa thuận của hai bên tại Hợp đồng thế chấp; phù hợp với quy định tại các Điều 292, 298, 299, 317 và 319 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/2/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Do đó, được chấp nhận. Trương hợp tài sản thế chấp kê biên, phát mại không đủ để thanh toán nợ, thì Ngân hàng có quyền đề nghị kê biên, phát mại tài sản hợp pháp khác của ông Nguyễn Văn L để thu hồi nợ.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định và giám định chữ ký:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và giám định chữ ký là 2.000.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Đ được chấp nhận, nên buộc bị đơn là ông Nguyễn Văn L phải chịu toàn bộ chi phí. Quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng TMCP Đ đã nộp tạm ứng và đã chi hết số tiền trên, nên ông Nguyễn Văn L phải thanh toán lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền là 2.000.000 đồng.

[7] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Đ được chấp nhận, nên bị đơn là ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật là 36.000.000 đồng +  $(1.610.384.374 \text{ đồng} - 800.000.000 \text{ đồng}) \times 3\% = 60.311.500 \text{ đồng}$ . Nguyên đơn không phải chịu án phí, nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 292, 293, 298, 299, 317, 318, 319, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 6 Điều 19, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Đ ,

Buộc ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền tính đến ngày 03/3/2021 là 1.610.384.374 đồng, trong đó: nợ gốc 1.178.945.716 đồng và nợ lãi 431.438.658 đồng.

Kể từ ngày 04/3/2021 ông Nguyễn Văn L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trong trường hợp ông Nguyễn Văn L không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP Đ được quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản bảo đảm cho khoản vay là: 01 xe ô tô tải có cần cầu, nhãn hiệu VEAM, số loại: VT1100, sơn màu xanh, chỗ ngồi 02, dung tích 14860, biển kiểm soát 36C-xxxxx, số khung B233ETU00907, số máy A0402117 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 053389 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 15/5/2018 cho ông Nguyễn Văn L ; Tài sản trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 19-05/2018/HĐBĐ/PVB-HVT ngày 29/5/2018.

Nếu tài sản thế chấp kê biên, phát mãi không đủ để thanh toán nợ, thì ngân hàng có quyền đề nghị kê biên, phát mãi tài sản hợp pháp khác của ông Nguyễn Văn L để thu hồi nợ.

2. Về thanh toán chi phí xem xét, thẩm định và giám định chữ ký:

Ông Nguyễn Văn L phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền là 2.000.000 đồng.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn L phải nộp 60.311.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.798.500 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0007289 ngày 21/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Minh Tiến**